

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ XÂY DỰNG

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/2013/TT-BXD

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2013

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng

Căn cứ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định số 15/2013/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27/11/2009 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (sau đây viết tắt là Nghị định số 108/2009/NĐ-CP); Nghị định số 24/2011/NĐ-CP ngày 05/4/2011 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2009 về đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (sau đây viết tắt là Nghị định số 24/2011/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 71/2010/QĐ-TTg ngày 09/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thi điểm đầu tư theo hình thức đối tác công - tư;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Giám định nhà nước về Chất lượng công trình xây dựng;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Thông tư này quy định chi tiết một số nội dung quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, áp dụng đối với các loại công trình được đầu tư xây dựng bằng mọi nguồn vốn;

b) Các nội dung về thẩm định, thẩm tra và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình, quản lý chất lượng xây dựng nhà ở riêng lẻ và một số nội dung khác có liên quan được quy định tại các thông tư khác của Bộ Xây dựng.

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Phân định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng giữa chủ đầu tư với ban quản lý dự án hoặc tư vấn quản lý dự án

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức quản lý chất lượng công trình xây dựng từ khảo sát, thiết kế đến thi công xây dựng và nghiệm thu, bảo hành công trình, bao gồm:

a) Lựa chọn các nhà thầu đủ điều kiện năng lực để thực hiện các hoạt động xây dựng công trình; chấp thuận các nhà thầu phụ tham gia hoạt động xây dựng công trình do nhà thầu chính hoặc tổng thầu đề xuất theo quy định của hợp đồng;

b) Quản lý chất lượng khảo sát xây dựng và thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại Điều 13, Điều 18 và Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan tại Thông tư này;

c) Quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan tại Thông tư này;

d) Tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan tại Thông tư này;

đ) Tổ chức thực hiện bảo hành công trình xây dựng theo quy định tại Chương V Nghị định số 15/2013/NĐ-CP;

e) Lưu trữ hồ sơ công trình theo quy định tại Điều 28 Thông tư này;

g) Giải quyết sự cố theo quy định tại Chương VI Nghị định số 15/2013/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan tại Thông tư này;

h) Thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng theo quy định của pháp luật trong quá trình đầu tư xây dựng công trình.

2. Người đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư có thể ủy quyền cho ban quản lý dự án (trong trường hợp trực tiếp quản lý dự án) hoặc tư vấn quản lý dự án (trong trường hợp thuê tư vấn quản lý dự án) thực hiện một hoặc một số các nội dung nêu tại Khoản 1 Điều này, trừ các nội dung sau: phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình, phê duyệt thiết kế xây dựng công trình làm cơ sở đấu thầu lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng công trình, phê duyệt kết quả đấu thầu và lựa chọn nhà thầu, nghiệm thu hoặc phê duyệt kết quả nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng.

3. Trường hợp chủ đầu tư ủy quyền cho ban quản lý dự án, chủ đầu tư có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện của ban quản lý dự án. Ban quản lý dự án chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật theo nhiệm vụ và quyền hạn được chủ đầu tư ủy quyền.

4. Trường hợp chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án, việc ủy quyền của chủ đầu tư cho tư vấn quản lý dự án phải được quy định rõ trong hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, theo dõi việc thực hiện hợp đồng của tư vấn quản lý dự án. Tư vấn quản lý dự án chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về việc thực hiện các cam kết trong hợp đồng.

5. Trường hợp tự thực hiện thiết kế, thi công xây dựng công trình thì chủ đầu tư thành lập bộ phận quản lý chất lượng công trình độc lập với bộ phận thiết kế, thi công xây dựng công trình để quản lý chất lượng công trình theo các quy định tại Điều này.

Điều 3. Phân định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trong trường hợp áp dụng hình thức hợp đồng tổng thầu thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình (tổng thầu EPC); hợp đồng tổng thầu thiết kế và thi công xây dựng công trình (EC)

1. Chủ đầu tư không trực tiếp quản lý toàn diện chất lượng công trình, nhưng phải thực hiện các công việc sau:

- a) Lập nhiệm vụ thiết kế;
- b) Lựa chọn tổng thầu và kiểm tra điều kiện năng lực của tổng thầu trong quá trình thực hiện so với hồ sơ dự thầu; chỉ định nhà thầu phụ trong các tình huống được phép theo quy định của pháp luật về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;
- c) Kiểm tra điều kiện năng lực và chấp thuận các nhà thầu phụ chủ yếu do tổng thầu đề xuất theo quy định của hợp đồng;
- d) Kiểm tra và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình do tổng thầu lập;
- đ) Phê duyệt tiến độ thi công xây dựng công trình;

e) Kiểm tra, chấp thuận các vật liệu, sản phẩm xây dựng và thiết bị công nghệ chủ yếu sử dụng trong công trình;

g) Chứng kiến nghiệm thu hoặc trực tiếp tham gia nghiệm thu một số công việc xây dựng, giai đoạn thi công quan trọng do tổng thầu và các thầu phụ thực hiện;

h) Nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng để đưa vào sử dụng;

i) Thực hiện hoặc yêu cầu tổng thầu thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng theo quy định của pháp luật trong quá trình đầu tư xây dựng công trình.

2. Tổng thầu có trách nhiệm tổ chức quản lý chất lượng các công việc do mình thực hiện và các công việc do nhà thầu phụ thực hiện, bao gồm:

a) Lập và đề xuất với chủ đầu tư quy trình kiểm soát chất lượng đối với toàn bộ các công việc do tổng thầu và thầu phụ thực hiện;

b) Kiểm soát chất lượng công tác khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng công trình do mình thực hiện theo quy định tại Nghị định số 15/2013/NĐ-CP và các thông tư hướng dẫn có liên quan;

c) Lựa chọn nhà thầu phụ đáp ứng điều kiện năng lực theo quy định;

d) Giám sát, nghiệm thu đối với các công việc do nhà thầu phụ thực hiện;

đ) Tổng thầu chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về chất lượng các công việc do nhà thầu phụ thực hiện.

Điều 4. Phân định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trong trường hợp áp dụng hình thức hợp đồng tổng thầu thi công xây dựng công trình (tổng thầu C); hợp đồng tổng thầu thiết kế và cung cấp thiết bị công nghệ (tổng thầu EP); hợp đồng tổng thầu cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình (tổng thầu PC)

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm:

a) Tổ chức quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư này đối với các công việc do tổng thầu và các nhà thầu chính trực tiếp thực hiện;

b) Kiểm tra năng lực và chấp thuận nhà thầu phụ do tổng thầu đề xuất theo quy định của hợp đồng; chỉ định nhà thầu phụ trong các tình huống được phép theo quy định của pháp luật về hợp đồng trong hoạt động xây dựng; chứng kiến nghiệm thu hoặc trực tiếp tham gia nghiệm thu một số công việc xây dựng do nhà thầu phụ thực hiện khi cần thiết.

2. Tổng thầu có trách nhiệm:

a) Thực hiện trách nhiệm của nhà thầu về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo các quy định tại Nghị định số 15/2013/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đối với các công việc do mình thực hiện;

b) Lựa chọn nhà thầu phụ đáp ứng điều kiện năng lực theo quy định; thực hiện giám sát, nghiệm thu đối với các công việc do nhà thầu phụ thực hiện;

Tổng thầu chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và trước pháp luật về chất lượng các công việc xây dựng do nhà thầu phụ thực hiện.

3. Nhà thầu phụ thực hiện trách nhiệm của nhà thầu về quản lý chất lượng công trình theo các quy định tại Nghị định 15/2013/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đối với phần việc do mình thực hiện theo quy định của hợp đồng xây dựng.

Điều 5. Phân định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trong trường hợp áp dụng đầu tư theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT), Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh (BTO), Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT), đối tác công tư (PPP)

1. Doanh nghiệp dự án có trách nhiệm:

a) Lựa chọn nhà thầu tư vấn, mua sắm hàng hóa, thi công xây dựng và nhà thầu khác để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Kết quả lựa chọn nhà thầu phải gửi thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký hợp đồng BOT, BTO, BT, PPP trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định lựa chọn nhà thầu;

b) Lập thiết kế kỹ thuật trên cơ sở báo cáo nghiên cứu khả thi và hợp đồng dự án, gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký hợp đồng BOT, BTO, BT, PPP để giám sát, kiểm tra;

c) Tự quản lý, giám sát hoặc thuê tổ chức tư vấn độc lập để quản lý, giám sát thi công xây dựng, nghiệm thu các hạng mục và toàn bộ công trình theo thiết kế đã thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng và thỏa thuận tại hợp đồng dự án;

d) Thực hiện toàn bộ trách nhiệm quản lý chất lượng của chủ đầu tư theo nội dung quy định tại Điều 2 Thông tư này;

đ) Chuyển giao công nghệ, đào tạo, bảo hành, bảo trì công trình phù hợp với các yêu cầu của hợp đồng dự án và theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký hợp đồng BOT, BTO, BT, PPP có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận và kiểm tra kết quả lựa chọn nhà thầu của doanh nghiệp dự án so với yêu cầu của hợp đồng dự án và quy định của pháp luật có liên quan;